

và lễ lỗi làm việc giữa các phòng, ban xung quanh giám đốc.

Trước hết, phòng kế toán — thống kê — tài chính có trách nhiệm cung cấp số liệu ghi chép ban đầu, các chứng từ cần thiết cho các phòng, ban trong việc lập các biểu báo, trong đó kế toán phân xưởng là khâu trung gian chủ yếu trong việc cung cấp số liệu ghi chép ban đầu ở phân xưởng. Mặt khác, các phòng, ban nghiệp vụ có trách nhiệm chấp hành đúng phương pháp chế độ do phòng kế toán — thống kê — tài chính hướng dẫn, đã được giám đốc thông qua và ủy nhiệm cho kế toán trưởng.

Về quan hệ và lễ lỗi làm việc giữa các phòng, ban thì ngoài việc phối hợp để giúp giám đốc thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo thống kê, kế toán đối với cấp trên, các phòng, ban còn phải phối hợp với nhau phục vụ giám đốc theo yêu cầu cụ thể về quản lý xí nghiệp nữa.

4. Nhân viên kế toán chuyên trách theo dõi phân xưởng (gọi tắt là kế toán phân xưởng).

Kế toán phân xưởng là nhân viên của phòng kế toán — thống kê — tài chính được phân công chuyên trách theo dõi phân xưởng và chủ yếu là làm việc tại phân xưởng. Kế toán phân xưởng có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

Về nhiệm vụ:

a) Đảm bảo cung cấp số liệu và tình hình về các hiện tượng và quá trình kinh tế trong phạm vi phân xưởng; phục vụ cho quản đốc phân xưởng chỉ đạo sản xuất hàng ngày, chủ yếu là về các mặt:

- Tình hình sử dụng lao động,
- Tình hình sử dụng thiết bị,
- Tình hình sử dụng vật tư,
- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất.

b) Hàng ngày, đảm bảo thu thập và kịp thời phân loại, tổng hợp những chứng từ ghi chép ban đầu thuộc phạm vi phân xưởng để có thể cung cấp số liệu và tình hình cho các phòng, ban, nhằm giúp các phòng, ban quản lý được nghiệp vụ của mình hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng và lập các biểu báo theo sự phân công của giám đốc.

c) Làm báo cáo phân tích tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất của phân xưởng.

d) Tùy trường hợp cần thiết mà kế toán phân xưởng có thể làm nhiệm vụ tính chi phí sản xuất của phân xưởng và tính lương.

Về quyền hạn:

a) Kế toán phân xưởng có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra mọi công nhân viên thực hiện ghi chép ban đầu chính xác, kịp thời và đầy đủ theo chế độ đã quy định.

b) Kế toán phân xưởng có trách nhiệm phục vụ quản đốc quản lý tốt phân xưởng, đồng thời có quyền yêu cầu quản đốc giao nhiệm vụ và kiểm tra, đôn đốc mọi người trong phân xưởng chấp hành đúng chế độ ghi chép ban đầu trong phạm vi phân xưởng.

c) Để làm tốt chức năng chủ yếu của mình, kế toán phân xưởng có quyền từ chối không làm việc khác khi chưa hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ đã nêu trên đây.

Thông tư này hướng dẫn những vấn đề chính trong việc thống nhất tổ chức kế toán và tổ chức thống kê tại các xí nghiệp công nghiệp, quốc doanh quy mô lớn và vừa. Các xí nghiệp quy mô nhỏ (như một số xí nghiệp công nghiệp địa phương) và các xí nghiệp sản xuất phân tán (như các xí nghiệp đánh cá và các lâm trường khai thác gỗ) có thể vận dụng hướng giải quyết chung trên đây cho thích hợp đối với từng loại xí nghiệp. Trường hợp cần thiết thì báo cáo cho liên Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê biết để hướng dẫn bổ khuyết sau.

Hà-nội, ngày 25 tháng 9 năm 1971

K.T. Tổng cục trưởng
Tổng cục Thống kê
Tổng cục phó

TRẦN HẢI BĂNG

K.T. Bộ trưởng
Bộ Tài chính
Thứ trưởng

TRỊNH VĂN BÌNH

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 29 - TC/CNKT ngày 7-10-1971 hướng dẫn việc xử lý về mặt tài chính những thiệt hại và thanh toán hậu quả lũ lụt ở các xí nghiệp và công trường.

Lũ lụt năm nay đã gây nhiều thiệt hại cho Nhà nước và nhân dân, ảnh hưởng đến sản xuất

và đời sống ở nhiều địa phương. Theo chỉ thị của Đảng và Chính phủ, các đơn vị cơ sở, các ngành, các cấp cần đề cao tinh thần tự lực cánh sinh, tận dụng mọi khả năng tài chính sẵn có, nhanh chóng khôi phục, ổn định và đầy mạnh sản xuất để bù đắp thiệt hại, đảm bảo hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước và ngân sách Nhà nước năm 1971.

Thi hành nghị quyết số 165-CP ngày 25-8-1971 của hội nghị liên tịch Ban bí thư trung ương Đảng và Thường vụ Hội đồng Chính phủ về việc khắc phục hậu quả lũ lụt, quyết định số 169-CP ngày 7-9-1971 của hội nghị về một số chính sách đối với đồng bào vùng bị lụt, chỉ thị số 237-TTg ngày 31-8-1971 của Thủ tướng về việc huy động và sử dụng lao động khắc phục hậu quả lũ lụt, chỉ thị số 238-TTg cùng ngày về việc kiểm tra và xử lý tài sản bị tổn thất vì lũ lụt, và thông tư số 186-TTg ngày 2-7-1971 về việc xử lý và hạch toán các khoản chi phí liên quan đến giá thành và phí lưu thông; đồng thời, vận dụng các nguyên tắc, chế độ, thể lệ quản lý tài chính hiện hành. Thông tư này của Bộ Tài chính hướng dẫn về mặt tài chính, cách xử lý những thiệt hại về tài sản và thanh toán hậu quả của lũ lụt ở các xí nghiệp và công trường. Thông tư này bổ sung thông tư số 217-TC/CNKT ngày 10-12-1968.

1. Chi phí cứu vớt vật tư, hàng hóa, tài sản; thiệt hại vật tư, hàng hóa, tài sản bị ngâm nước hư hỏng, kém phẩm chất, bị trôi và mất mát vì lũ lụt.

a) Đối với vật tư hàng hóa.

Vật tư, hàng hóa bị ngâm nước, sau khi được cứu vớt kịp thời, có loại cần lau chùi, có loại cần phơi khô, hấp sấy, có loại cần vận chuyển đến nơi bảo quản an toàn, có loại trở thành kém phẩm chất hoặc thành phế liệu, phế phẩm, có loại bị vất bỏ vì không thể tận dụng được v.v... Những nhu cầu chi tiêu trên đây, cần phân biệt giải quyết như sau:

Chi phí cứu vớt, lau chùi, phơi khô, hấp sấy, vận chuyển đến nơi bảo quản mới, đều hạch toán vào lỗ. Trường hợp xí nghiệp nhờ, hoặc được ngành chủ quản hay Ban chống lũ lụt huy động lực lượng của các đơn vị bạn đến

làm hộ, thì các chi phí trên vẫn do đơn vị có vật tư, hàng hóa phải gánh chịu và thanh toán.

Thiệt hại do lũ lụt gây ra, làm giảm giá trị của vật tư, hàng hóa vì bị kém hoặc mất phẩm chất, bị hư hỏng, hao hụt, mất mát, sau khi đã lập biên bản xác nhận và được cấp có thẩm quyền duyệt y theo đúng thủ tục, được giải quyết như sau:

— Thiệt hại vừa: hạch toán *vào lỗ* như trường hợp trên;

— Thiệt hại nhiều đến vốn, trở ngại nhiều đến sản xuất, kinh doanh không hoạt động trở lại bình thường được: sau khi đã làm đầy đủ các thủ tục cần thiết, được xét cho *giảm vốn* và được cấp vốn bổ sung, căn cứ vào định mức vốn lưu động trong năm. Bộ chủ quản hoặc Sở Ty chủ quản điều hòa vốn từ xí nghiệp thừa để bổ xung cho xí nghiệp thiếu, nếu không điều hòa được thì mới xin ngân sách cấp thêm.

b) Đối với tài sản cố định.

— Chi phí cứu vớt, lau chùi, phơi khô, hấp sấy, thu dọn, phục hồi tài sản cố định, ở mức độ nhẹ: ghi vào kinh phí sửa chữa thường xuyên (trong giá thành và phí lưu thông). Nếu ở mức độ nặng thì được lấy vốn sửa chữa lớn để chi và hạch toán theo chế độ hiện hành; nếu đơn vị không có đủ vốn sửa chữa lớn thì được vay vốn sửa chữa lớn của Ngân hàng.

Trường hợp nhu cầu vốn để phục hồi tài sản cố định quá lớn, (ở mức độ phải xây dựng lại) vốn sửa chữa lớn hiện có — kể cả phần được vay thêm ngân hàng — không đủ, việc sửa chữa phục hồi đòi hỏi phải có phương án được duyệt, thì xin cấp phát toàn bộ bằng vốn kiến thiết cơ bản và được áp dụng theo thông tư liên Bộ Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước — Tài chính số 274-TT-LB ngày 20-7-1969 hướng dẫn việc sửa chữa khôi phục các công trình bị địch đánh phá. Trước khi tiến hành phục hồi phải thanh lý tài sản cố định cũ, nộp tiền biến giá tài sản cố định (nếu có). Chú ý thu nhặt vật liệu cũ để sử dụng trong phục hồi, giảm bớt cấp phát tài sản cố định, sửa chữa phục hồi xong, phải trị giá để tính khấu hao.

— Phục hồi, xây dựng lại tài sản cố định thuộc các công trình phúc lợi (nhà ăn, nhà ở,

nhà trẻ...) thì phải sử dụng quỹ phúc lợi. Ngành chủ quản có thể vận động trong ngành tương trợ bằng quỹ phúc lợi và cho các đơn vị xét có thể hoàn thành kế hoạch năm 1971 được phép tạm trích trước quỹ phúc lợi đề chi. Nếu không có quỹ phúc lợi thì phải xin cấp vốn kiến thiết cơ bản như trường hợp trên. Sửa chữa lớn các công trình này phải sử dụng vốn sửa chữa lớn theo như quy định của thông tư số 186-TTg ngày 2-7-1971.

2. Thiệt hại do phải ngừng sản xuất vì lũ lụt.

Những thiệt hại này bao gồm những trường hợp như sau : xí nghiệp, công trường phải ngừng hoạt động trong thời gian bị ngập nước ; đơn vị tuy không bị ngập nước nhưng phải ngừng hoạt động vì bị đe dọa, như trường hợp đề phòng vỡ đê, cấp trên ra lệnh tháo dỡ, vận chuyển thiết bị, kho tàng đi nơi khác ; những đơn vị không thuộc 2 trường hợp trên nhưng bị huy động nhân lực, vật tư và tài sản cố định gây ảnh hưởng nhiều đến sản xuất, nên phải ngừng hoạt động. Thiệt hại do phải ngừng sản xuất trong tất cả các trường hợp trên đây đều được hạch toán vào lỗ.

Đối với trường hợp vì lũ lụt mà nguyên nhân, vật liệu về không đúng kỳ hạn nên đơn vị bị thiệt hại do phải ngừng sản xuất, thì cần phân biệt : nếu về chậm nhưng trong phạm vi thời hạn định mức dự trữ bảo hiểm (của vốn lưu động) thì phải hạch toán khoản thiệt hại vào giá thành hay phí lưu thông ; nếu ngoài phạm vi thời hạn định mức dự trữ bảo hiểm (của vốn lưu động) thì hạch toán số thiệt hại vào lỗ.

3. Vật tư, hàng hóa, tài sản được lệnh huy động để chống lũ lụt.

— Đối với vật tư, hàng hóa bị huy động đi hẳn (không được trả lại hiện vật), thì các đơn vị phải trực tiếp thanh toán với Ban chống lũ lụt đã ra lệnh huy động (vì ngân sách Nhà nước đã cấp kinh phí này cho Ban chống lũ lụt). Trường hợp Ban chống lũ lụt không chịu thanh toán hoặc không thanh toán được, thì đơn vị cần yêu cầu Ban chống lũ lụt cùng lập biên bản xác nhận việc huy động để gửi lên ngành chủ

quản và cơ quan tài chính liên quan xét, giải quyết.

— Vật tư, hàng hóa được huy động tạm thời (sau lũ lụt được trả lại hiện vật) thì các đơn vị có nhiệm vụ phải thu hồi. Trường hợp có hao hụt, mất mát, hư hỏng, kém phẩm chất thì hạch toán trị giá thiệt hại đó vào lỗ.

— Tiền khấu hao ô-tô, máy móc, cần cẩu, máy phát điện và tiền chi phí xăng, dầu, mỡ, tiền lương công nhân đi theo phục vụ trong thời gian được huy động đi chống lũ lụt tối đa đến 3 ngày : ghi vào lỗ xí nghiệp. Từ 4 ngày trở đi, thì Ban chống lũ lụt thanh toán toàn bộ chi phí theo tinh thần nghị định số 232-CP ngày 24-11-1965 của Hội đồng Chính phủ ban hành chế độ huy động khẩn cấp nhân lực, vật lực ở địa phương. Trường hợp Ban chống lũ lụt không chịu thanh toán hoặc không thanh toán được thì đơn vị cần yêu cầu Ban chống lũ lụt cùng lập biên bản xác nhận việc huy động để gửi lên ngành chủ quản và cơ quan tài chính liên quan xét, giải quyết.

4. Chi phí nhân công, vật liệu để sửa chữa các trạm biến thế, các trạm bơm nước của ngành nông nghiệp và thủy lợi, sau lũ lụt.

Bộ Tài chính, cơ quan tài chính địa phương có trách nhiệm xét cấp kinh phí cho ngành nông nghiệp và thủy lợi để sửa chữa các công trình này. Vì vậy, mọi việc cung cấp vật tư và lao động cần thiết cho việc sửa chữa này đều coi như là hoạt động sản xuất và cung cấp lao vụ bình thường đối với khách hàng. Trường hợp có lệnh, phải một mặt thì xuất kho những thành phẩm như là trạm biến thế, động cơ điện, máy bơm cho ngành nông nghiệp và thủy lợi, để cho các ngành này hoạt động, đồng thời phải thu lại các tài sản cùng loại của các ngành nông nghiệp và thủy lợi để sửa chữa, thì thanh toán với khách hàng như sau : khi xuất kho thành phẩm thì coi là tiêu thụ, khi nhận tài sản để sửa chữa thì coi là làm công tác lao vụ sửa chữa.

5. Chi để xây dựng lại, sửa chữa các công trình chính, các công trình phụ, công trình tạm thời loại lớn và nhỏ thuộc công trình xây dựng cơ bản, và thuộc công trình thăm dò, khảo sát, bị trôi hoặc bị hư hỏng vì lũ lụt.

— Chi để xây dựng lại hoặc sửa chữa các công trình thuộc công trình xây dựng cơ bản thì

do vốn kiến thiết cơ bản chịu. Bên A xác nhận cho bên B khối lượng phải làm thêm, có sự tham gia của Ngân hàng kiến thiết, đề làm cơ sở thanh toán cho bên B hạch toán chi phí vào vốn kiến thiết cơ bản khác, xin điều chỉnh lại dự toán nếu cần.

— Chi đề xây dựng lại hoặc sửa chữa các công trình của các đoàn thăm dò, khảo sát thi kinh phí sự nghiệp thăm dò, khảo sát chi. Các ngành chủ quản có nhiệm vụ tiết kiệm và điều hòa trong dự toán kinh phí sự nghiệp thăm dò, khảo sát, nếu không đủ, thì xin cơ quan tài chính cấp phát phần còn thiếu.

6. Chi phục vụ đời sống trong và sau thời gian lũ lụt.

— Tiền thuê phương tiện đi lấy nước uống, tiền mua phèn đánh nước uống cho cán bộ, công nhân viên (kể cả gia đình ở cùng với tập thể đơn vị) ở các xí nghiệp và công trường trong thời gian bị ngập nước: chi bằng quỹ phúc lợi trong quỹ xí nghiệp. Nếu đơn vị không có quỹ xí nghiệp thì chi vào quản lý phí xí nghiệp.

— Chi đề chữa bệnh và phòng bệnh thì thanh toán vào giá thành và phí lưu thông. Trường hợp bệnh nhân đi nằm điều trị tại bệnh xá hoặc bệnh viện thì do kinh phí của bệnh xá hoặc bệnh viện chi.

— Chi cứu tế đột xuất cho cá nhân và gia đình cán bộ, công nhân viên bị nạn trong lũ lụt thì Nhà nước đã có kế hoạch cứu tế chung cho những vùng bị lũ lụt. Ngoài ra đơn vị cơ sở xét trợ cấp cứu tế đột xuất đối với công nhân viên bằng quỹ cứu tế trong quỹ xí nghiệp theo chế độ hiện hành.

7. Chi tiền đi đò, thuyền đi công tác và nghỉ phép;

Đi công tác trong thời gian lũ lụt, nếu bắt buộc phải đi bằng đò, thuyền thì được thanh toán công tác phí theo giá cả của địa phương quy định trong thời gian đó. Trường hợp nhà đò, thuyền không xuất biên lai thu tiền, thì người xin thanh toán phải làm giấy kê khai đề kế toán trưởng xác nhận thanh toán. Chi phí này vẫn hạch toán vào giá thành và phí lưu thông.

Trong thời gian lũ lụt, đi nghỉ phép hoặc trả phép nếu bắt buộc phải đi bằng đò, thuyền, thì không xét thanh toán khoản chi đó cao hơn giá cả địa phương quy định trong thời gian đó.

8. Trả lương trong thời gian đơn vị phải ngừng việc vì lũ lụt;

Các đơn vị cơ sở, ngành chủ quản, địa phương có nhiều công tác đột xuất phòng, chống và thanh toán hậu quả lũ lụt. Như đã hướng dẫn trong các chỉ thị của Đảng và Nhà nước, nhiệm vụ của đơn vị cơ sở, ngành chủ quản và địa phương là phải điều phối tốt lao động, tránh tình trạng nơi việc nhiều thì thiếu người, nơi ngừng việc thì thừa người và nghỉ ngơi, nơi cần hoạt động bình thường thì lại huy động người đi, v.v... vì vậy, trường hợp phải ngừng việc và trả lương ngừng việc chỉ là trường hợp bất đắc dĩ, vì không còn khả năng điều phối lao động.

Việc trả lương cho các trường hợp này như sau:

— Trong thời gian phải ngừng việc vì lũ lụt, nhưng được huy động đi làm nhiệm vụ chống lũ lụt hoặc công việc khác, thì vẫn được trả lương 100%.

— Trong thời gian phải ngừng việc vì lũ lụt, nghỉ vì không có việc cần huy động hoặc được nghỉ việc để thu xếp công việc gia đình, thì được trả lương ngừng việc 70%. Trường hợp thời gian ngừng việc trên đây được kết hợp giải quyết với nghỉ phép hàng năm theo chế độ, thì vẫn được trả lương 100%.

9. Thu lao cho lao động phục vụ chống lũ lụt.

Trả thù lao cho lao động phục vụ chống lũ lụt phải thi hành đúng chỉ thị số 237-TTg ngày 31-8-1971 của Thủ tướng Chính phủ về việc huy động và sử dụng lao động khắc phục hậu quả của lũ lụt.

Chi tiền thù lao thì tùy theo công tác, như các trường hợp đã nói từ điểm 1 đến điểm 8 trên đây, mà lấy vào nguồn kinh phí có liên quan. Riêng đối với lực lượng cán bộ, công nhân viên, học sinh đại học và trung học chuyên nghiệp được huy động phục vụ chống lũ lụt, thì lương, học bổng và khoản chi tiền thù lao này, đều do

kinh phí của nhà trường chi, đơn vị cơ sở không phải trả.

Lũ lụt đã làm tổn thất đến nền kinh tế quốc dân và gây khó khăn trong sinh hoạt và đời sống. Việc cân đối thu chi tài chính trong lúc này rất là căng thẳng. Nhiệm vụ của đơn vị cơ sở, các ngành, các cấp phải nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, nhanh chóng phục hồi, ổn định và đẩy mạnh sản xuất; soát xét lại khả năng thu và tiết kiệm chi, đẩy mạnh thu và quản lý chặt chẽ từng khoản chi, không được tùy tiện giải quyết trái với nguyên tắc và chế độ đã quy định.

Bộ Tài chính đề nghị các ngành, các cấp phổ biến thông tư này xuống tận các đơn vị cơ sở, phản ánh kịp thời những mắc mứu trong việc thi hành đề nghị cứu giải quyết cụ thể.

Hà-nội, ngày 7 tháng 10 năm 1971

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thư trưởng

TRỊNH VĂN BÌNH

ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC

QUYẾT ĐỊNH số 73 - NS/VGNN ngày 7-10-1971 về giá bán buôn chè xanh sơ chế của nông trường quốc doanh bán cho các ngành quốc doanh trung ương.

CHỦ NHIỆM ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC

Căn cứ vào nghị định số 106-CP ngày 24-6-1965 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Vật giá Nhà nước;

Căn cứ vào quyết định số 3-TTg ngày 6-1-1971 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh giá thu mua một số sản phẩm cây công nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay quy định giá bán buôn một kilôgam chè xanh sơ chế của ngành nông trường cho các ngành quốc doanh trung ương như sau :

A. Chè chính.

1. Chè xô : 3đ10 (Ba đồng một hào)
2. Chè loại đặc biệt : 4đ50 (Bốn đồng năm hào)
3. Chè loại một : 3đ80 (Ba đồng tám hào)
4. Chè loại hai : 3đ30 (Ba đồng ba hào)
5. Chè loại ba : 2đ60 (Hai đồng sáu hào)
6. Chè loại bốn : 2đ00 (Hai đồng chẵn)
7. Chè loại năm : 1đ80 (Một đồng tám hào)
8. Chè bồm sao
vò sấy : 1đ05 (Một đồng năm xu)

B. Chè phụ.

1. Chè vụn nát : 1đ75 (Một đồng bảy hào năm xu)
2. Chè tận thu : 1đ60 (Một đồng sáu hào)
3. Chè bồm phơi khô : 0đ90 (Chín hào)
4. Chè già sấy than : 0đ80 (Tám hào)
5. Chè già tuốt lá phơi khô : 0đ65 (Sáu hào năm xu)
6. Chè bằm già phơi khô : 0đ60 (Sáu hào)
7. Chè bằm thường phơi khô : 0đ45 (Bốn hào năm xu)

Điều 2. — Quy cách phẩm chất các loại chè quy định giá ở điều 1 được xác định như sau.

A. CHÈ CHÍNH

1. Chè xô.

a) Phẩm chất :

— Mặt chè tương đối đều, nguyên búp, màu xanh thẫm,

— Hương thơm tự nhiên của chè xanh, không có mùi ôi chua, không có mùi than đá,

— Vị chát thoải mái, đượm, không chua,

— Nước vàng xanh, trong sáng,

— Bã non, xanh tái.

b) Quy cách :

— Bồm căng : từ 10% đến 14%,

— Thủy phân : từ 8% đến 9%,

— Vụn nát : 3%,

— Tạp chất : 0,3%.

2. Chè loại đặc biệt.

a) Phẩm chất :

— Mặt chè đều, búp non, nguyên búp, 95% búp xoắn chặt, màu xanh thẫm,